TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2026
V*/v Ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Đức; Ông Ngô Minh Thiều.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đào Thị Toan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 166/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/9/1981, CCCD số: 030181002511 cấp ngày 29/3/2022; Địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố Hải Phòng.

Người được nguyên đơn ủy quyền giao nhận văn bản, tài liệu: Chị Nguyễn Thị T1, sinh ngày 10/12/1983; CCCD số 030183004850, cấp ngày 18/10/2023; Địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Khắc L, sinh ngày 12/8/1977, CCCD số: 030077007384 cấp ngày 28/6/2022; Địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Khắc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 08/9/2000 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn chị và anh L chung sống ở thôn P, xã T, thành phố Hải Phòng (trước là thôn P, xã C,

huyện C, tỉnh Hải Dương) và ở cùng với mẹ đẻ của anh L. Quá trình vợ chồng chung sống chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra đánh, cãi nhau. Nguyên nhân là do không phù hợp về tính cách, quan điểm sống. Anh L mải chơi, không tu chí làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc. Khi say rượu lại chửi bới, đánh đập chị. Do kinh tế khó khăn nên năm 2017 chị sang Nhật Bản lao động. Thời gian chị làm việc ở Nhật Bản, anh L ở nhà không chịu khó làm ăn, tiêu pha phung phí, thường xuyên yêu cầu chị phải gửi tiền về. Năm 2021 chị về nước nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, cuộc sống không có hạnh phúc. Đến nay chị nhận thấy anh L không thể thay đổi tính cách, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, chị không còn tình cảm với anh L nữa. Do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Phạm Khắc T2, sinh ngày 29/4/2002 và Phạm Thị L1, sinh năm 03/2/2005, hiện các con đều đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị sẽ tự thoả thuận với anh L, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Phạm Khắc L trình bày: Anh xác định về hoàn cảnh, điều kiện, thời gian kết hôn như chị T trình bày là chính xác. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng). Quá trình vợ chồng chung sống thỉnh thoảng có xảy ra va chạm do bất đồng quan điểm. Khoảng năm 2015 chị T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, được 4 năm thì về nước một lần và sau đó lại đi. Khoảng năm 2021 chị T về nước đi làm công nhân. Từ khi chị về thì thay đổi tính cách, bỏ bê công việc gia đình, không chăm lo cho gia đình, chồng con, thường xuyên nhắn tin, gọi điện thoại. Anh nhắc nhở nhưng chị T không thay đổi. Năm 2025 chị T đòi đi lao động ở nước ngoài, anh không đồng ý. Từ đầu tháng 4/2026 chị T bỏ nhà đi, anh không biết chị T đi đâu, làm gì, sau đó anh nhận được thông báo thụ lý của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng về việc chị T có đơn xin ly hôn anh. Anh không muốn vợ chồng ly hôn nhưng do chị T đã không còn tình cảm với anh, không có trách nhiệm với gia đình và đã bỏ nhà đi nên anh không thể níu kéo được, do đó anh đồng ý ly hôn. Do công việc bận và anh cũng nhất trí ly hôn nên đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Phạm Khắc T2, sinh ngày 29/4/2002 và Phạm Thị L1, sinh năm 03/2/2005, hiện các con đều đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T ly hôn anh L; Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Khắc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08/9/2000 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Anh L thừa nhận quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, chị T không còn tình cảm với anh, không có trách nhiệm với gia đình và bỏ nhà đi từ tháng 4/2026 nên anh nhất trí ly hôn. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56

của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh L.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T, anh L có 02 con chung là Phạm Khắc T2, sinh ngày 29/4/2002 và Phạm Thị L1, sinh năm 03/02/2005, hiện các con chung đều đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phạm Khắc L.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0003320 ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 12 - Hải Phòng;
- Đương sự;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Tuệ Tĩnh (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy